

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2019

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 744/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Thành C**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Hiền T**, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Anh C có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thành C trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Hiền T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới về anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị T.

Về con chung Anh và chị T có 01 con chung tên Phạm Ngọc X, sinh ngày 27/10/2012. Hiện con chung do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Lê Thị Hiền T không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Chị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc chị T vắng mặt*: Xét thấy, chị T là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc anh C kiện đến lần thứ hai, nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của anh và chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện B, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Anh C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa anh và chị T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh C và chị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 156/2012 ngày 19/12/2012, nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo lời anh C khai anh, chị chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến năm 2014 và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau. Còn chị T vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ việc anh C xin ly hôn, nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C, đồng thời xem như chị từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân

và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C và cho anh C được ly hôn với chị Lê Thị Hiền T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh, chị 01 con chung tên Phạm Ngọc X, sinh ngày 27/10/2012. Hiện con chung do chị T đang nuôi dưỡng từ khi anh, chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định. Hơn nữa, anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tiếp tục giao con chung của anh, chị tên Phạm Ngọc X cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T vắng mặt không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh C, chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thành C.

Cho anh Phạm Thành C được ly hôn với chị Lê Thị Hiền T.

[2]. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Phạm Ngọc X, sinh ngày 27/10/2012 cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét do chị T không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Anh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09438 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như anh C đã thi hành xong phần án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Chị T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- UBND xã A- huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHẠM VĂN NHỊN